

TRƯỜNG THCS LIÊN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/QĐ-NS

Liên Vị, ngày 15 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết định Phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ đối với các trường MM,THCS, TH&THCS trên địa bàn thị xã

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND thị xã Quảng Yên về việc Phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ đối với các trường MM,THCS, TH&THCS trên địa bàn thị xã

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-PGDĐT ngày 14/06/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ đối với các trường MM,THCS, TH&THCS trên địa bàn thị xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết định : Phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ đối với các trường MM,THCS, TH&THCS trên địa bàn thị xã (có quyết định kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao cho bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VT,KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Quốc Khương

Số: 308/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 so với học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã; Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã, số tiền: 23.072.655.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Giao các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã chịu trách nhiệm về đề xuất hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục

PHÂN BỐ KINH PHÍ

Hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-PGDĐT ngày 14/6/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
TỔNG CỘNG						
I	Khối mầm non					23.072.655.000
						7.884.525.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	641.725.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	775.075.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	120.750.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	742.525.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	168.150.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	582.400.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	533.925.000
8	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	12	152.300.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	352.450.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	714.962.500
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	131.050.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	273.550.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	194.000.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	367.500.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	303.825.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	464.975.000
17	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	12	53.650.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	538.737.500
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	772.975.000
II	Khối Trung học cơ sở					14.623.090.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	1.204.080.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	1.236.840.000
3	Trường THCS Phong Cốc	1027585	622	073	12	995.040.000
4	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	12	266.455.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
5	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	12	1.437.600.000
6	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	931.680.000
7	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	1.200.960.000
8	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	821.760.000
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	1.560.120.000
10	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	475.965.000
11	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	291.165.000
12	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	1.923.600.000
13	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	313.810.000
14	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	407.015.000
15	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	722.640.000
16	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	834.360.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					565.040.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong	1027578	622	073	12	92.680.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La	1130336	622	073	12	187.740.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai	1130337	622	073	12	137.060.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân	1131212	622	073	12	147.560.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Số: 2866/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Yên, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026; Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương, điều chỉnh, bổ sung, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 và một số nội dung thuộc lĩnh vực tài chính - ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 1468/HD-SGDĐT ngày 09/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục

☞

phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 so với học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã tại Tờ trình số 137/TTr-TCKH ngày 23/5/2024; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã tại Tờ trình số 544/TTr-PGDĐT ngày 22/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí của năm học 2023-2024 so với học phí của năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã, số tiền: 23.305.677.500 đồng (Hai mươi ba tỷ, ba trăm linh năm triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó:

- Chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu: 23.072.655.000 đồng (áp dụng đối với các tháng học mà học sinh không thuộc trường hợp được miễn, giảm học phí của năm học 2023-2024 và các tháng mà học sinh được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của học kỳ I của năm học 2023-2024 mà còn thiếu kinh phí);

- Chi hỗ trợ từ nguồn chi thường xuyên không tự chủ (nhiệm vụ chi chế độ chính sách cho học sinh các trường công lập) đã được giao dự toán đầu năm 2024 cho các trường học: 233.022.500 đồng (áp dụng đối với các tháng học mà học sinh thuộc trường hợp được miễn, giảm học phí của học kỳ II của năm học 2023-2024);

(Chi tiết dự toán kinh phí theo biểu đính kèm)

Danh sách hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên.

Điều 2. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách tổng hợp hỗ trợ kinh phí, thực hiện phân bổ kinh phí cho các trường học trực thuộc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các trường học trực thuộc triển khai thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ theo quy định; tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã chịu trách nhiệm về đề xuất hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

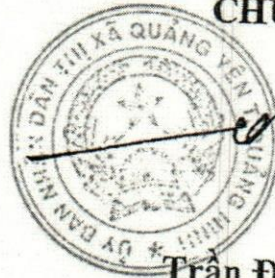
Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã cấp kinh phí, Kho bạc nhà nước thị xã thực hiện kiểm soát chi đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thị xã; Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND thị xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT (01).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Thắng

Tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 so với học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã
(Kèm theo Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên trường	Kinh phí hỗ trợ mức chênh lệch học phí	Trong đó:		Ghi chú
			Chi từ nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu	Chi từ nguồn không tự chủ đã giao dự toán từ đầu năm cho khối trường học	
A	C	I=2+3	2	3	4
	TỔNG CỘNG	23.305.677.500	23.072.655.000	233.022.500	
I	KHỐI MẦM NON	7.922.437.500	7.884.525.000	37.912.500	
1	Trường Mầm non Cộng Hoà	646.100.000	641.725.000	4.375.000	
2	Trường Mầm non Hà An	776.825.000	775.075.000	1.750.000	
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	121.000.000	120.750.000	250.000	
4	Trường Mầm non Minh Thành	746.025.000	742.525.000	3.500.000	
5	Trường Mầm non Liên Vị	169.900.000	168.150.000	1.750.000	
6	Trường Mầm non Phong Cốc	582.400.000	582.400.000	0	
7	Trường Mầm non Phong Hải	535.675.000	533.925.000	1.750.000	
8	Trường Mầm non Tiên An	153.050.000	152.300.000	750.000	
9	Trường Mầm non Yên Giang	352.450.000	352.450.000	0	
10	Trường Mầm non Đông Mai	717.150.000	714.962.500	2.187.500	
11	Trường Mầm non Cẩm La	131.550.000	131.050.000	500.000	
12	Trường Mầm non Hiệp Hoà	275.800.000	273.550.000	2.250.000	
13	Trường Mầm non Liên Hoà	194.750.000	194.000.000	750.000	
14	Trường Mầm non Nam Hoà	369.687.500	367.500.000	2.187.500	
15	Trường mầm non Sông Khoai	305.200.000	303.825.000	1.375.000	
16	Trường Mầm non Tân An	471.625.000	464.975.000	6.650.000	
17	Trường Mầm non Tiên Phong	54.100.000	53.650.000	450.000	
18	Trường Mầm non Yên Hải	542.675.000	538.737.500	3.937.500	
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	776.475.000	772.975.000	3.500.000	
II	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ	14.811.900.000	14.623.090.000	188.810.000	
1	Trường THCS Đông Mai	1.214.640.000	1.204.080.000	10.560.000	
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1.257.360.000	1.236.840.000	20.520.000	
3	Trường THCS Phong Cốc	1.004.640.000	995.040.000	9.600.000	
4	Trường THCS Tiên An	274.680.000	266.455.000	8.225.000	
5	Trường THCS Cộng Hoà	1.459.920.000	1.437.600.000	22.320.000	
6	Trường THCS Phong Hải	944.880.000	931.680.000	13.200.000	
7	Trường THCS Hà An	1.215.360.000	1.200.960.000	14.400.000	
8	Trường THCS Nam Hoà	830.160.000	821.760.000	8.400.000	
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	1.561.920.000	1.560.120.000	1.800.000	
10	Trường THCS Hiệp Hoà	488.040.000	475.965.000	12.075.000	
11	Trường THCS Sông Khoai	296.240.000	291.165.000	5.075.000	
12	Trường THCS Minh Thành	1.944.000.000	1.923.600.000	20.400.000	
13	Trường THCS Liên Hoà	322.070.000	313.810.000	8.260.000	
14	Trường THCS Liên Vị	412.790.000	407.015.000	5.775.000	
15	Trường THCS Tân An	737.040.000	722.640.000	14.400.000	
16	Trường THCS Yên Hải	848.160.000	834.360.000	13.800.000	
III	KHỐI TH&THCS	571.340.000	565.040.000	6.300.000	
1	Trường TH&THCS Tiên Phong	93.730.000	92.680.000	1.050.000	
2	Trường TH&THCS Cẩm La	189.490.000	187.740.000	1.750.000	
3	Trường TH&THCS Sông Khoai	139.860.000	137.060.000	2.800.000	
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân	148.260.000	147.560.000	700.000	